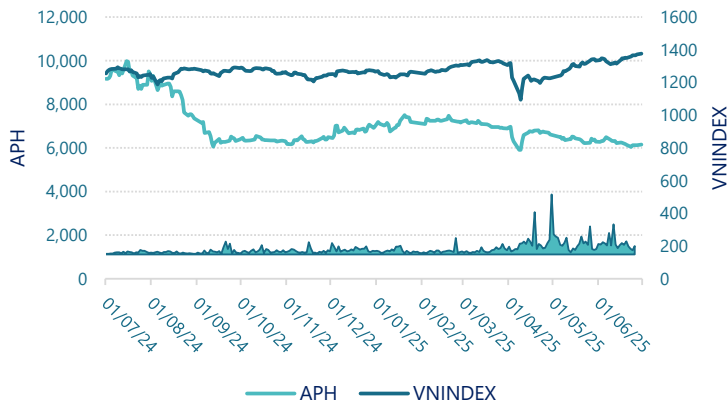




CTCP Tập đoàn An Phát Holdings (HSX: APH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,980
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,910
SL cổ phiếu LH	243,884,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	344,220
% sở hữu nước ngoài	28.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,500
P/E	14.7
EPS	419

DT thuần

Q2/25

2,314

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,544| -40.0%

YoY: ▼938| -28.9%

LN sau thuế

Q2/25

175

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 128| 275%

YoY: ▲ 37.0| 27.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.5%

+/- YoY: ▲ 3.3%

DT thuần

6T 2025

6,172

tỷ VNĐ

YoY: ▼468| -7.1%

LN sau thuế

6T 2025

222

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0| -18.1%

ROE

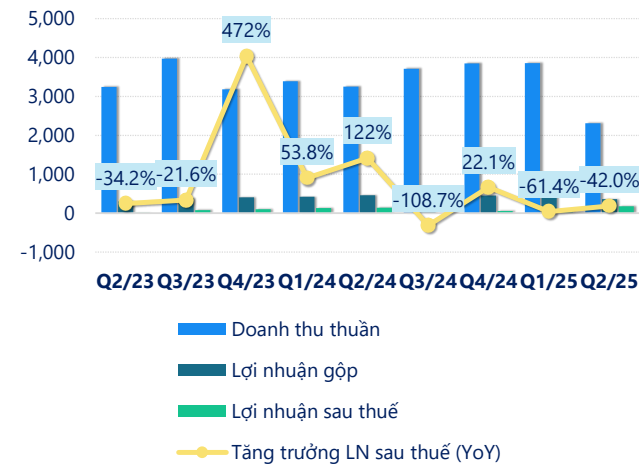
Q2/25

1.8%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

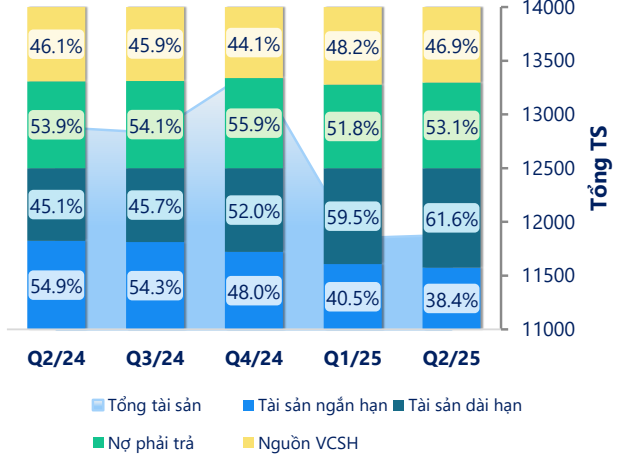
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

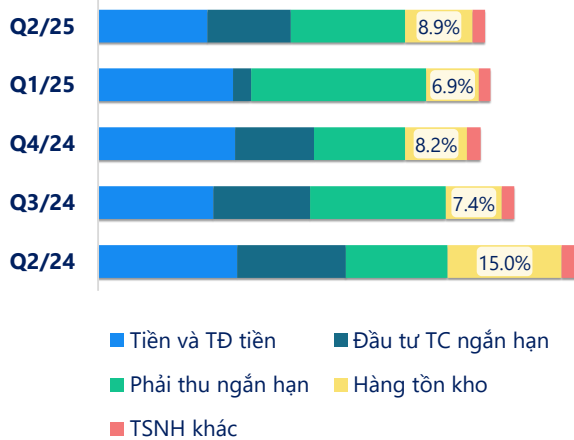
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



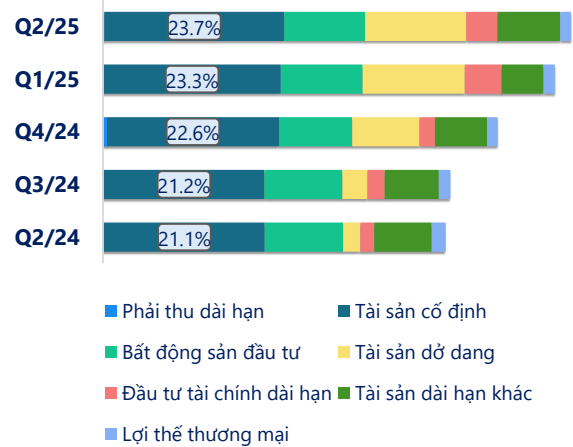
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

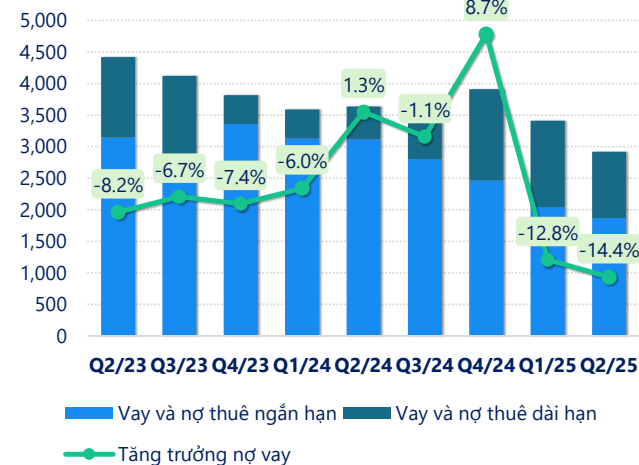
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

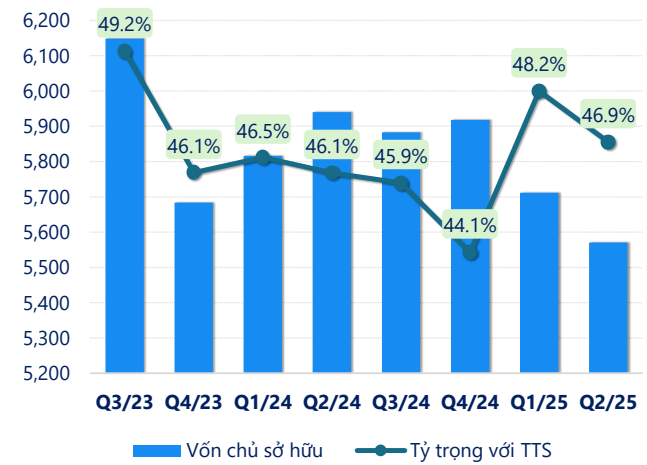
Nợ vay



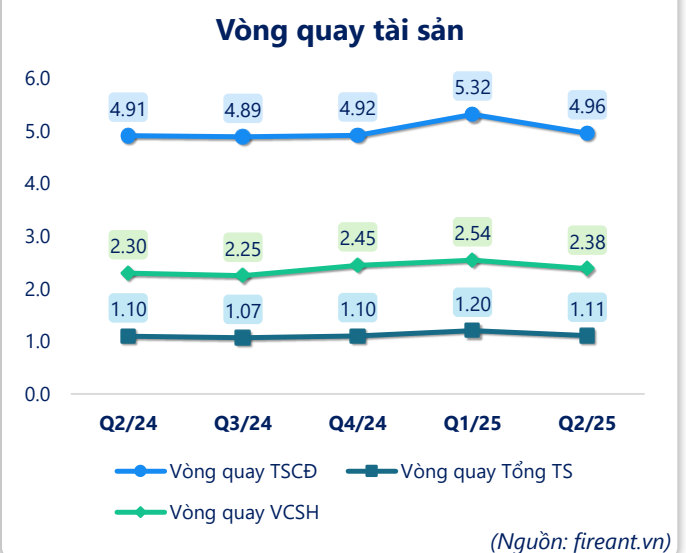
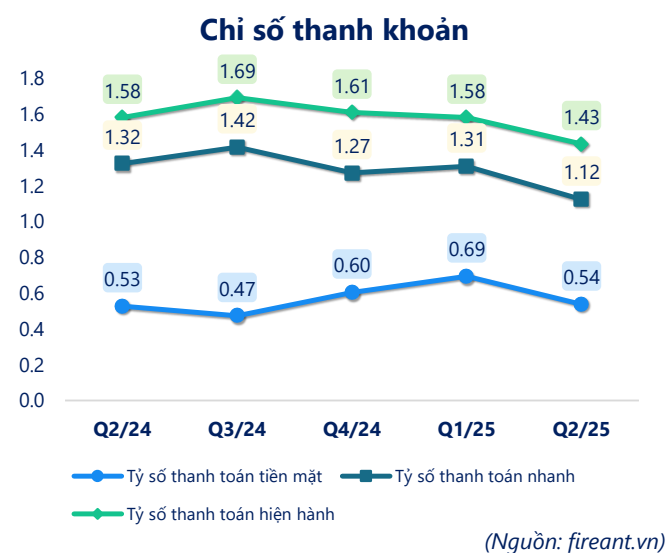
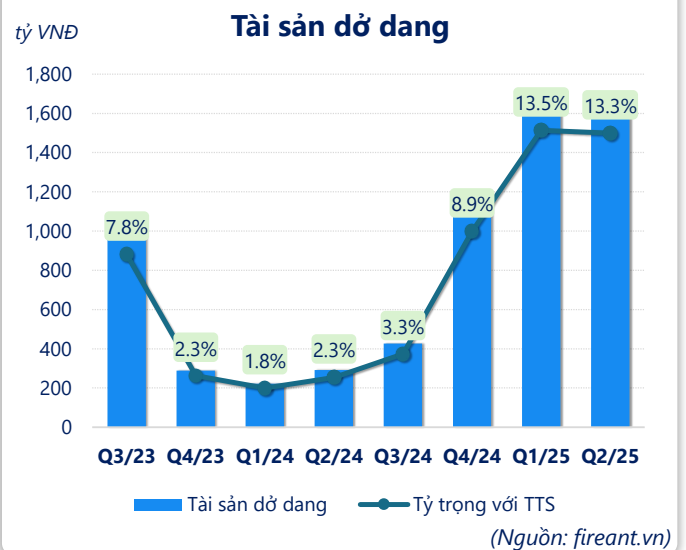
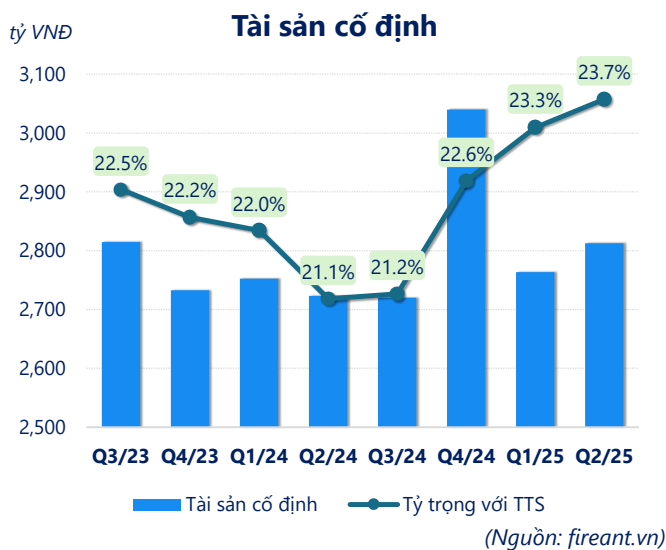
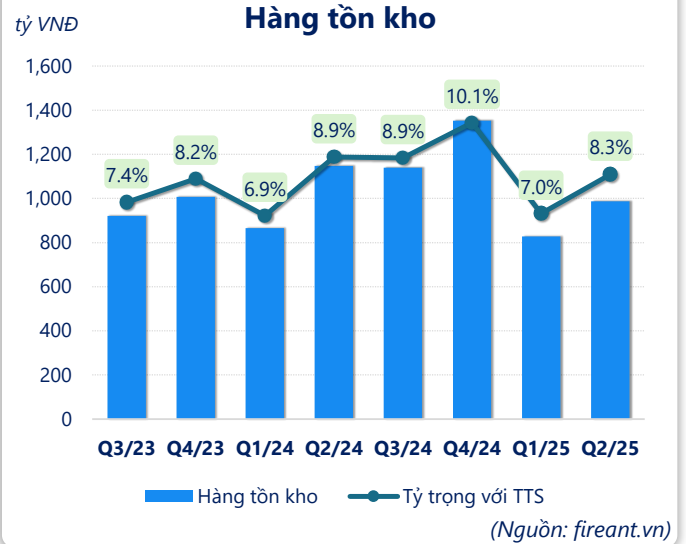
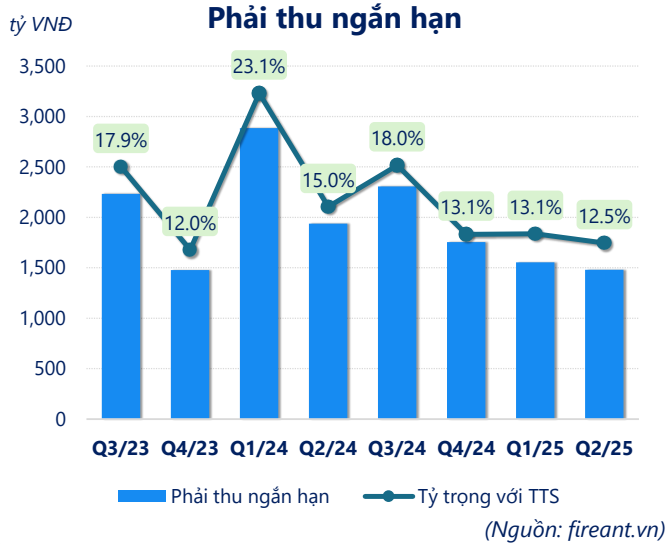
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	12,882	12,829	13,425	11,850	11,878
Tài sản ngắn hạn	7,072	6,962	6,448	4,799	4,562
Tiền và tương đương tiền	2,361	1,946	2,421	2,107	1,709
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,417	1,347	719	166	229
Phải thu ngắn hạn	1,937	2,307	1,756	1,555	1,481
Hàng tồn kho	1,147	1,139	1,352	828	987
Tài sản ngắn hạn khác	211	223	201	143	155
Tài sản dài hạn	5,810	5,868	6,976	7,051	7,317
Phải thu dài hạn	20.1	8.04	70.3	8.77	22.4
Tài sản cố định	2,723	2,720	3,040	2,764	2,813
Bất động sản đầu tư	1,329	1,314	1,293	1,277	1,262
Tài sản dở dang	291	426	1,192	1,594	1,583
Đầu tư tài chính dài hạn	238	290	271	577	487
Tài sản dài hạn khác	975	916	920	651	983
Lợi thế thương mại	234	194	191	179	167
Nợ phải trả	6,942	6,946	7,506	6,139	6,308
Nợ ngắn hạn	4,473	4,112	4,006	3,034	3,181
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,117	2,802	2,464	2,044	1,867
Phải trả người bán ngắn hạn	651	684	838	469	585
Nợ dài hạn	2,469	2,834	3,500	3,104	3,127
Vay và nợ thuê dài hạn	519	795	1,445	1,366	1,051
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,940	5,883	5,918	5,712	5,571
Vốn chủ sở hữu	5,940	5,883	5,918	5,712	5,571
Vốn điều lệ	2,439	2,439	2,439	2,439	2,439
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)